

		4.2. Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song.	2 (TN 5,12) 0,5đ			2 (TL 6a, 6b) 2,0đ					
Tổng			8 2,0	2 1,0	2 0,5	5 3,5	2 0,5	2 1,5		1 1,0	22 10,0
Tỉ lệ %			30%		40%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – MÔN TOÁN – LỚP 7 - NĂM HỌC: 2025 – 2026.

TT	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ VÀ ĐẠI SỐ							
1	Số hữu tỉ	1.1. Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	Vận dụng: - So sánh được hai số hữu tỉ.			1TN	
		1.2. Các phép tính với số hữu tỉ	Thông hiểu - Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. Vận dụng cao - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.		2TL		1TL
2	Số thực	Số vô tỉ. Số thực	Nhận biết: - Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. - Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực. - Nhận biết được số đối của một số thực. - Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực. Thông hiểu: - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay. Vận dụng: - Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước.	3TN 2TL	1TN	2TL	
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							

3	Các hình khối trong thực tiễn	2.1. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương	Thông hiểu - Giải thích được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.		1TL		
		2.2. Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	Thông hiểu - Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. Vận dụng - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác		1TN	1TN	
4	Góc và đường thẳng song song	Các góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	Nhận biết: - Nhận biết được tia phân giác của một góc. - Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh).	3TN			
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	Nhận biết: - Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. Thông hiểu: - Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song.	2TN	2TL		

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

MÔN **NGỮ VĂN 7**

Thời gian: 90 phút

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:

- Kiến thức:** Đánh giá mức độ đạt chuẩn về năng lực Ngữ văn trình độ lớp 7 (CT Ngữ văn 2018).
- Kĩ năng:** Đọc hiểu văn bản; cảm thụ, phân tích để làm bài kiểm tra trong thời gian 90 phút.
- Thái độ:** Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.
- Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kĩ năng:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tạo lập văn bản, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG:

- Kiến thức phần Đọc - hiểu:** Đọc - hiểu một văn bản tản văn, tùy bút (tương đương về thể loại với các văn bản ở bài 4 trong SGK)
- Kiến thức phần Viết:**
Phân tích nhân vật: HS tạo lập được văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. (tương đương kĩ năng phần viết ở bài 3 trong SGK).

III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

- Hình thức:** Tự luận (100%)
- Cách thức tổ chức kiểm tra:** Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 90 phút.

IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Tản văn, tùy bút	0	2	0	2	0	1	0	0	60

2	Viết	Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một TPVH	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng số câu hỏi			0	2	0	2	0	1	0	1	100
Điểm (Tỉ lệ %)			20		25		15		40		
Tỉ lệ chung			60						40		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	ĐỌC HIỂU	<ul style="list-style-type: none"> - Tri thức đọc hiểu: Đặc trưng của thể loại tản văn, tùy bút - Tri thức tiếng Việt: Phó từ, Từ Hán Việt, Ngôn ngữ vùng miền 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tùy bút, tản văn. - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tùy bút, tản văn. - Xác định được phó từ, từ Hán Việt, ngôn ngữ vùng miền được sử dụng trong câu. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn. - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. 	2			
					2		

			- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của một số yếu tố Hán Việt thông dụng.				
			Vận dụng: - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tùy bút, tản văn. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. (HS viết ngắn khoảng 3 – 5 dòng)			1	
2	VIẾT	Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	Nhận biết: Thông hiểu Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.	1*	1*	1*	1*
Tổng số câu hỏi				2TL	2TL	1TL	1TL
Điểm (Tỉ lệ %)				20%	25%	15%	40%
Tỉ lệ chung				60			40

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TIẾNG ANH – KHỐI 7 - NĂM HỌC 2025 – 2026

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		TN	TL
		TN	TL	TN	TL	TN	TL		
1	- Nghe hiểu	3		2				5	
2	- Ngữ âm	4						4	
3	- Từ vựng trong ngữ cảnh	2		4		1		7	
4	- Ngữ pháp: <i>Simple past tense: yesterday</i>	1						1	
5	- Ngữ pháp: <i>Possessive adjectives</i>	1						1	
6	- Ngữ pháp: <i>Should + V0</i>	1						1	
7	- Ngữ pháp: <i>Dislike + Ving</i>	1						1	
8	- Ngữ pháp: <i>Preposition of time</i>	1						1	
9	- Ngữ pháp: <i>Past simple with question form</i>	1						1	
10	- Ngữ pháp: <i>Should/ Could/ Must/ Would</i>					1		1	
11	- Ngữ pháp: <i>Future time with Present Continuous - Simple future tense- Simple tense</i>					1		1	
12	- Chức năng giao tiếp	1		1				2	
13	- Đọc thông tin biển báo, quảng cáo	1		1				2	
14	- Đọc điền từ			4		2		6	
15	- Đọc hiểu, trả lời câu hỏi	3		2		1		6	
16	- Từ loại						4		4
17	- Trật tự của từ				1		1		2
18	- Biến đổi câu						4		4
TỔNG		20	0	14	1	6	9	40	10
TỈ LỆ		40 %		30 %		30 %		80 %	20 %

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK I KHỐI 7 NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Nghe	Nghe thông tin chi tiết	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận diện được các thông tin chi tiết, cụ thể (ví dụ: thời gian, số lượng, tên riêng) trong một đoạn hội thoại hoặc thông báo ngắn. <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào ngữ cảnh của bài nghe, suy luận và điền được thông tin còn thiếu (về người, vật, hành động...) vào chỗ trống. <p>+ <i>Nội dung thuộc Unit 4</i></p>	3	2	
2	Ngữ âm	Phát âm	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ có phần gạch chân được phát âm khác so với các từ còn lại. <p>+ <i>Phân biệt các từ có âm /ei/</i></p> <p>+ <i>Phân biệt các từ tận cùng có -ed: /id/, /t/, /d/</i></p> <p><i>Nguyên âm – phụ âm trong từ đơn âm được lấy từ unit 1, 2, 3,4</i></p>	2		
		Nhấn âm	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ có dấu trọng âm chính ở vị trí khác so với các từ còn lại. <p><i>Các từ 2, 3 âm tiết; được lấy từ được lấy từ unit 1,2,3,4</i></p>	2		
3	Từ vựng	Từ vựng trong ngữ cảnh	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm được giới từ cố định sau một số động từ, tính từ hoặc các cụm từ quen thuộc + <i>at + clock time (Unit 3)</i> - Tìm được từ thường kết hợp với từ cho sẵn để tạo thành cụm từ cố định; + <i>take part in (Unit 4)</i> <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau về nghĩa của các từ, từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. <p>+ <i>raise/ give/ take/ find</i></p> <p>+ <i>charity/ volunteer/ community/ organization</i></p> <p>+ <i>dangerous/ healthy/ lazy/ boring</i></p>	2 <i>(1 giới từ - 1 cụm từ cố định)</i>	4	1

			<p>+ <i>plot/ setting/ superhero/ crime</i> <i>Từ vựng thuộc Unit 1,2,3,4</i> Vận dụng cao - Làm rõ sự khác nhau về cách sử dụng giữa các từ có cùng trường nghĩa (<i>thesaurus</i>); từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. + <i>equipment/ tool/ device/ instrument</i> <i>Từ vựng thuộc Unit1,3</i></p>			
4	Ngữ pháp	Thì của động từ	<p>Biết - Xác định được thì của động từ dựa vào các dấu hiệu nhận biết cơ bản; từ đó chọn được cụm từ có hình thức của thì vừa được xác định. + <i>Simple past tense: yesterday (Unit 4)</i></p>	1		
		(<i>cấu trúc theo đơn vị bài học</i>)	<p>Biết - Xác định được <i>tên của cấu trúc</i> từ dựa vào các dấu hiệu nhận biết cơ bản; từ đó chọn được cụm từ có hình thức khớp với <i>cấu trúc</i> vừa được xác định. + <i>Possessive adjectives (Unit 3)</i> + <i>Should + VI (Unit 2)</i> + <i>Dislike + Ving (Unit 1)</i> + <i>Preposition of time (Unit 3)</i> + <i>Past simple with question form (Unit 4)</i> Vận dụng - Sử dụng kiến thức về hình thức và cách sử dụng của các cấu trúc có mối liên quan gần nhau; từ đó xác định đúng <i>cấu trúc</i> và chọn được cụm từ có hình thức khớp với <i>cấu trúc</i> vừa được xác định. + <i>Should/ Could/ Must/ Would (Unit 2)</i> + <i>Future time with Present Continuous - Simple future tense- Simple tense (Unit 1, 2)</i></p>	5		2
5	Nói	Chức năng giao tiếp	<p>Biết - Nhận ra lời nói của người đối diện là lời mời, lời chào hỏi, lời khen ... dựa vào hình thức, cấu trúc đã được học; từ đó lựa chọn cách phản hồi đúng. + <i>Đáp lại lời đề nghị (Unit 4)</i> Hiểu - Diễn giải thông tin người nói; từ đó lựa chọn phản hồi phù hợp + <i>Đáp lại câu hỏi về buổi biểu diễn (Unit 3)</i></p>	1	1	
6	Đọc	Thông tin	<p>Biết - Xác định đúng ý nghĩa biển báo. + <i>Biển báo giao thông</i></p>	1	1	

			<p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh các lời phát biểu với ý nghĩa của biển báo; từ đó chọn đúng lời phát biểu mô tả đúng ý nghĩa của biển báo. <p>+ <i>Biển báo về ý thức cộng đồng</i></p>			
		Điền từ	<p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau về nghĩa của các từ, từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào ngữ cảnh của câu và cả đoạn văn, lựa chọn từ vựng (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ) phù hợp về nghĩa để điền vào chỗ trống. - Phân tích mối quan hệ logic giữa các câu, các mệnh đề để lựa chọn liên từ hoặc từ nối phù hợp, đảm bảo tính mạch lạc cho đoạn văn. <p><i>Nội dung bài đọc thuộc Unit 3</i></p>		4 (1 từ vựng)	2 (1 liên từ)
		Đọc hiểu	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được thông tin trong bài đọc bằng cách sử dụng từ khóa (<i>key word</i>); từ đó quyết định thông tin trong phát biểu là đúng hay sai; <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải thông tin bài đọc và thông tin trong phát biểu; từ đó quyết định thông tin trong phát biểu là đúng, sai hay không được nhắc đến - Diễn giải ngữ cảnh trong bài đọc; từ đó dự đoán được nghĩa của từ vựng và chọn được từ có nghĩa gần giống với từ được gạch chân; (<i>câu hỏi từ vựng đồng nghĩa</i>) <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét kỹ các thông tin trong bài đọc; từ đó tìm ra đúng ý chính của đoạn văn đọc hiểu <p>+ <i>Nội dung bài đọc thuộc Unit 5</i></p>	3	2 (gồm 1 câu NI và 1 câu từ vựng)	1
7	Viết	Từ loại	<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét kỹ từ loại còn thiếu, từ đó cung cấp đúng từ loại để được câu hoàn chỉnh <p>+ <i>beauty (n) → beautiful(a) (Unit 3)</i> + <i>donate (v) → donation (n) (Unit 4)</i> + <i>Inform(v) → informative (a) (Unit 4)</i> + <i>Performance (n) → performed (V2) (Unit 3)</i></p>			4
		Trật tự của từ	Hiểu		1	1

		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra được thành phần chính của câu đơn bị xáo trộn và đặt lại đúng vị trí. + Lấy từ nội dung của Unit 3 <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kiến thức về câu phức, câu ghép và hiểu nghĩa các từ, cụm từ; từ đó viết được câu hoàn chỉnh + Lấy từ nội dung của Unit 4 			
	Biến đổi câu	<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện câu dựa trên việc sử dụng kiến thức về cấu trúc đã được dạy. + <i>How about ...</i> → <i>Let's ...</i> (Unit 4) + <i>You should ...</i> → <i>You ought to</i> (Unit 2) + <i>I love ...</i> → <i>I am interested in</i> (Unit 1) + <i>It takes to V1...</i> → <i>S + spend + Ving ...</i> (Unit 1) 			4
Tổng câu (50 câu)			20	15	15
Tổng điểm (10 điểm)			4	3	3
Tỉ lệ			40%	30%	30%

MA TRẬN NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: **KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7** – Kì kiểm tra cuối Học kì I– Thời gian làm bài: 60 phút

1. KHUNG MA TRẬN

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá						Tổng số câu		Điểm số	
			PHẦN I (Trắc nghiệm)			PHẦN II (Tự luận)			TN	TL	Tổng	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	MỞ ĐẦU	Bài 1. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên	1							1		0,25
2	NGUYÊN TỬ, NGUYÊN TỐ, SƠ LƯỢC VỀ BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ	Bài 2. Nguyên tử	2	1						3		0,75
		Bài 3. Nguyên tố hóa học	2	1						3		0,75
		Bài 4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	1	1						2		0,5
3	PHÂN TỬ	Bài 5. Phân tử - Đơn chất – Hợp chất	2	1						3		0,75
		Bài 6. Giới thiệu về liên kết hóa học	1							1		0,25
		Bài 7. Hóa trị và công thức hóa học					1	½	½		2	3
4	TỐC ĐỘ	Bài 8: Tốc độ chuyển động	1							1		0,25
		Bài 9: Đồ thị quãng đường – thời gian						1	1*		2	2,0
		Bài 11: Tốc độ và an toàn giao thông	1							1		0,25
5	ÂM THANH	Bài 12: Mô tả sóng âm					1				1	1,0
		Bài 13: Độ to và độ cao của âm	1							1		0,25
6	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		12TN	4TN			1TL	2,5TL	1,5TL	16	5	10
7	Điểm số		3,0	1,0			1,0	3	2	4,0	6,0	10,0
8	Tổng số điểm		4,0 điểm			6,0 điểm			10 điểm		10 điểm	

Ghi chú:

+ Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần II là một lệnh hỏi

+ **Phần 1:** 16 câu TN lý thuyết – 4,0 điểm

+ **Phần 2:** 5 câu Tự Luận – 6,0 điểm

2. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	MỞ ĐẦU	Bài 1. Phương pháp học tập môn Khoa học tự nhiên	Nhận biết: - Nêu được 5 bước cơ bản trong phương pháp tìm hiểu tự nhiên. - Nêu được các kỹ năng để học tập môn Khoa học tự nhiên.	1TN		
2	NGUYÊN TỬ - NGUYÊN TỐ HÓA HỌC – SƠ LƯỢC VỀ BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC	Bài 2. Nguyên Tử	Nhận biết: - Nêu được mô hình nguyên tử của Rutherford – Borh. - Nêu được cấu tạo nguyên tử gồm các hạt cơ bản (proton, neutron, electron) và sự tích điện các hạt. Thông hiểu: - Khẳng định lại số electron bằng số proton khi nguyên tử trung hòa về điện. - Giải thích được khối lượng hạt nhân được coi là khối lượng nguyên tử.	2TN	1TN	
		Bài 3. Nguyên tố hóa học	Nhận biết: - Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hóa học. - Viết được kí hiệu hóa học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên. Thông hiểu: - Phân biệt được ứng dụng của các nguyên tố hóa học. - Khẳng định lại nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tố cùng loại, có cùng số proton trong hạt nhân.	2TN	1TN	
		Bài 4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	Nhận biết: - Nêu được các nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. - Nêu được được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm ô, chu kì, nhóm. Thông hiểu: - Phân biệt được ô nguyên tố, chu kì, nhóm của các nguyên tố hóa học trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.	1TN	1TN	

			<ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại chu kì là tập hợp các nguyên tố hóa học có cùng số lớp electron trong nguyên tử theo hàng ngang. - Khẳng định lại nhóm là tập hợp các nguyên tố hóa học theo cột dọc, có tính chất hóa học tương tự nhau và sắp xếp theo chiều tăng dần điện tích hạt nhân. - Phân biệt nhóm nguyên tố kim loại, phi kim, khí hiếm. 			
3	PHÂN TỬ	Bài 5. Phân tử - Đơn chất - Hợp chất	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. - Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được đơn chất và hợp chất. - Mô tả được thành phần nguyên tố, số nguyên tử các nguyên tố dựa vào hình ảnh phân tử hoặc công thức hóa học. 	2TN	1TN	
		Bài 6. Giới thiệu về liên kết hóa học	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được sự hình thành liên kết cộng hóa trị theo nguyên tắc dùng chung electron. - Nêu được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron ngoài cùng giống nguyên tử nguyên tố khí hiếm. 	1TN		
		Bài 7. Hóa trị và công thức hóa học	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được công thức hóa học của một số hợp chất đơn giản, thông dụng. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được công thức hóa học dựa vào hóa trị, trình bày được quy tắc hóa trị, mối liên hệ giữa hóa trị của nguyên tố và công thức hóa học. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được phần trăm (%) nguyên tố trong hợp chất khi biết công thức hóa học, xác định được công thức hóa học của hợp chất dựa vào phần trăm (%) nguyên tố và khối lượng phân tử 	1TL	½ TL	½ TL
4	TỐC ĐỘ	Bài 8. Tốc độ chuyển động	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa của tốc độ, xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng. - Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng. 	1TN		
		Bài 9. Đồ thị quãng đường – thời gian	<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được đồ thị quãng đường thời gian cho chuyển động thẳng. - Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tính được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, thời gian chuyển động của vật). - Từ đồ thị quãng đường – thời gian mô tả được chuyển động của vật. 			2TL

		Bài 11. Tốc độ và an toàn giao thông.	Nhận biết: - Nêu được cấu tạo cơ bản của thiết bị bắn tốc độ, mô tả được sơ lược cách đo tốc độ bằng thiết bị bắn tốc độ trong kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông. - Nêu được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.	1TN		
5	ÂM THANH	Bài 12. Mô tả sóng âm	Thông hiểu: - Giải thích được các hiện tượng thực tế liên quan đến sóng âm và môi trường truyền âm. - So sánh sự truyền sóng âm trong các môi trường.		1TL	
		Bài 13. Độ to và độ cao của âm	Nhận biết: - Nêu được sự liên quan của độ to của âm với biên độ. - Nêu được sự liên quan của độ cao của âm với tần số.	1TN		
TỔNG		Trắc nghiệm	Số câu: 16 câu	12TN	4TN	
			Số điểm: 4,0 điểm	3,0 điểm	1,0 điểm	
		Tự luận	Số câu: 5 câu	1TL	1,5TL	2,5TL
			Số điểm: 6,0 điểm	1,0 điểm	2,0 điểm	3,0 điểm
Tỉ lệ %				40%	30%	30%

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

STT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng số câu			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm									Tự luận						
			Phần I (Trắc nghiệm nhiều lựa chọn)			Phần II (Trắc nghiệm đúng sai)			Phần III (Trả lời ngắn)									
			NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	
Địa lí																		
1	CHÂU ÂU	– Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu - Đặc điểm tự nhiên châu Âu. - Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)	C1,C2	C4											C1,2	C4		10%
			C3												C3			
2	CHÂU Á	– Đặc điểm tự nhiên. – Vị trí địa lí, phạm vi châu Á – Đặc điểm dân cư, xã hội	C5,6			C1-a	C1-b	C1-c,d					C1- TLa	C1- TLb	C5,6 C1-a	C1-b C1- TLa	C1-d C1- TLb	25%

3	CHÂU PHI	– Đặc điểm tự nhiên	C7, C8											C7, C8			
Tổng số câu			7	1		1	1	2					1	1			
Tổng điểm			1.75	0.25		0.25	0.25	0.5					1.0	1.0	2.0	1.5	50%
			30%									20%		20%	15%	15%	50%
Lịch sử																	
4	TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI	– Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu. – Các cuộc phát kiến địa lí. - Văn hoá Phục hưng. - Phong trào cải cách tôn giáo.	C9,10 C11,12											C9,10 C11, 12			
5	TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX	– Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX	C13,14 C16											C13, 14 C16			

6	ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX	- Vương triều Gupta	C15			C1-a	C1-b	C1-c,d					C1- TLa	C1- TLb	C7 C1-a	C1-b C1- TLb	C1- c,d C1- TLb	
Tổng số câu			7	1		1	1	2					1	1				
Tổng điểm			1.75	0.25		0.25	0.25	0.5					1.0	1.0	2.0	1.5	1.5	50%
Tỉ lệ %			30%									20%		20%	15%	15%	50%	
TỔNG			60%									40%		40%	30%	30%	100%	

		<p>– Đặc điểm tự nhiên.</p> <p>– Đặc điểm dân cư, xã hội.</p>	<p>– Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.</p> <p>– Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.</p> <p>– Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.</p> <p>– Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.</p> <p>– Trình bày được đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sinh vật) của một trong các khu vực ở châu Á</p> <p>TH:</p> <p>– Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.</p> <p>VDC:</p> <p>– Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore).</p>												
--	--	---	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

		<p>- Văn hoá Phục hưng.</p> <p>- Các cuộc phát kiến địa lí.</p> <p>- Cải cách tôn giáo.</p>	<p>VD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới <p>VDC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ được tác động của các cuộc phát kiến địa lí đến ngày nay. <p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng <p>TH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI. <p>VD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu <p>TH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí <p>VD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của 												
--	--	---	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

5	<p style="text-align: center;">TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX</p>	<p>– Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.</p> <p>– Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.</p>	<p>VD:</p> <p>– Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).</p> <p>NB:</p> <p>– Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường</p> <p>TH:</p> <p>– Mô tả được sự phát triển kinh tế thời Minh – Thanh</p> <p>- Giới thiệu được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...)</p> <p>VD:</p> <p>– Nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...)</p>	C13, 14	C16										
---	--	--	--	---------	-----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

6	ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX	– Vương triều Gupta	<p>NB:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ. – Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta. <p>TH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX <p>VD:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX. 	C15			C2-a	C2-b	C2-c,d					C2-TLa	C2-TLb
Tổng số câu				7	1		1	1	2					1	1
Tổng điểm				1.75	0.25		0.25	0.25	0.5					1.0	1.0

**BẢNG NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY
KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

Môn: Công nghệ - Lớp 7

Năm học: 2025- 2026

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Tổng số câu						Tổng số câu		Điểm số
			PHẦN I (Trắc nghiệm 16 câu)			PHẦN II (Tự luận 5 câu)					
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	TL	TN	Tổng
1	Chương 1. Mở đầu về trồng trọt	Bài 1. Nghề trồng trọt ở Việt Nam	3						2	0,5	
		Bài 2. Các phương thức trồng trọt tại Việt Nam	2	1					3	0,75	
2	Chương 2. Trồng và chăm sóc cây trồng	Bài 3. Quy trình trồng trọt	2	2					4	1,0	
		Bài 4. Nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành	2	1					3	0,75	
		Bài 5. Trồng và chăm sóc cây cải xanh	1				1	1	2	1	2,25
3	Chương 3. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	Bài 6. Rừng ở Việt Nam				0,5	1		1,5		2,0
		Bài 7. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	3					1,5	1,5	3	2,75
4	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		12	4		0,5	2	2,5	5	16	
5	Điểm số		3,0	1,0		1,0	2,0	3,0	6,0	4,0	10,0
6	Tổng số điểm		4,0			6,0			10,0	10,0	

**BẢNG ĐẶC TẢ CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG
KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 - MÔN: CÔNG NGHỆ 7**

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
CHƯƠNG 1. MỞ ĐẦU VỀ TRỒNG TRỘT	Bài 1: Nghề trồng trọt ở Việt Nam	Nhận biết - Trình bày được vai trò, triển vọng của ngành trồng trọt. - Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số nghề trong lĩnh vực trồng trọt. - Trình bày được các yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực trồng trọt, sở thích và sự phù hợp của bản thân với các nghề trong trồng trọt.	2 TN		
	Bài 2: Các phương thức trồng trọt ở Việt Nam	Nhận biết - Nêu được một số phương thức trồng trọt phổ biến tại Việt Nam. - Trình bày được những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao. Thông hiểu - So sánh được đặc điểm của các phương thức trồng trọt - Nhận xét được ưu điểm và nhược điểm khi ứng dụng trồng trọt bằng công nghệ cao.	2 TN	1 TN	
CHƯƠNG 2. TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY TRỒNG	Bài 3: Quy trình trồng trọt	Nhận biết - Nêu được các bước tiến hành trong quy trình trồng trọt. - Trình bày được mục đích và yêu cầu kỹ thuật của các bước trong quy trình trồng trọt. Thông hiểu - Phân biệt được các phương pháp phù hợp với các giống cây trồng - Giải thích được các công việc trong quy trình trồng trọt	2 TN	2 TN	
	Bài 4: Nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành	Nhận biết - Nêu được khái niệm giâm cành. - Nêu được các yêu cầu kỹ thuật đối với phương pháp giâm cành. Thông hiểu - Giải thích được các công việc thực hiện trong quá trình giâm cành - Mô tả được các công việc sau khi tiến hành giâm cành để cây phát triển tốt.	2 TN	1 TN	

	Bài 5. Trồng và chăm sóc cây cải xanh	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các bước tiến hành và yêu cầu kĩ thuật trong quá trình trồng và chăm sóc cây cải xanh <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được những đặc điểm nhận biết cây cải phát triển tốt - Giải thích được những việc cần làm với bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi dùng - Trình bày được ưu điểm của phân hữu cơ vi sinh so với phân hóa học - Nêu bật được các đặc điểm của Canh tác hữu cơ <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng công thức tính số hạt giống gieo trồng trong bài toán thực tế 	1 TN	1 TL	1 TL
Chương 3. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	Bài 6. Rừng ở Việt Nam	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống, sản xuất. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các cách phân loại rừng. - Phân biệt được các loại rừng phổ biến ở Việt Nam 	0,5 TL	1 TL	
	Bài 7. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được qui trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất và bằng cây con rễ trần. - Nêu được các biện pháp chăm sóc rừng sau khi trồng. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất được các công việc để bảo vệ rừng và hệ sinh thái - Giải thích được các nguyên nhân khiến rừng sau khi trồng có tỉ lệ chết cao - Giải thích được các công việc cần làm trước và sau khi trồng rừng 	3 TN		1,5 TL
Tổng	Trắc nghiệm	Số câu: 16 câu	12TN	4TN	
		Số điểm: 4,0 điểm	3,0 điểm	1,0 điểm	
	Tự luận	Số câu: 5 câu	0,5TL	2TL	2,5TL
		Số điểm: 6,0 điểm	1,0 điểm	2,0 điểm	3,0 điểm
Tỉ lệ			40%	30%	30%

		<p>* Hiểu:</p> <p>-Hiểu khái niệm địa chỉ ô tính.</p> <p>-Trình bày được một số kiểu dữ liệu.</p> <p>* Vận dụng:</p> <p>-Thực hiện được việc di chuyển trên trang tính và nhập dữ liệu vào trang tính.</p> <p>-Nhập được một số kiểu dữ liệu khác nhau vào ô tính.</p> <p>-Sử dụng được công thức để tính toán.</p>												
	Bài 8. Sử dụng địa chỉ ô tính trong công thức	<p>* Biết:</p> <p>-Biết cách nhập công thức trong chương trình bảng tính.</p> <p>* Hiểu:</p> <p>-Giải thích được khả năng điều khiển tính toán tự động trên dữ liệu.</p> <p>-Hiểu được sự thay đổi của địa chỉ ô tính khi sao chép công thức.</p> <p>* Vận dụng:</p> <p>-Sử dụng được địa chỉ trong công thức.</p> <p>-Tạo được bảng tính đơn giản có số liệu tính toán bằng công thức.</p> <p>-Sử dụng được bảng tính điện tử để giải quyết công việc cụ thể đơn giản.</p>	5	3	2	2	1	1						
	Tổng số câu		10 câu	6 câu	4 câu	4 ý	2 ý	2 ý						12
	Tổng số điểm		2.5	1.5	1	1	0.5	0.5						3
	Tỉ lệ %		50%			20%					30%			

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025 – 2026

MÔN GDCD – KHỐI 7 (TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN)

Thời gian làm bài: 45 phút

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								Tổng số câu TN+TL	Tổng điểm	Ghi chú	
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO					
			CH	Điểm	CH	Điểm	CH	Điểm	CH	Điểm				
1	Giáo dục đạo đức	Bài 4: Giữ chữ tín	4 TN 1TL	2,0								4 câu TN 1TL	2,0	
2	Giáo dục đạo đức	Bài 5: Bảo tồn di sản văn hóa	4 TN	1,0			1/2TL	1,5	1/2TL	0,5		4 câu TN 1 câu TL	3,0	
3	Giáo dục đạo đức	Bài 6: Nhận diện tình huống gây căng thẳng	4 TN	1,0	1TL	3,0	1/2TL	0,5	1/2TL	0,5		4 câu TN 2 câu TL	5,0	
TỔNG			12TN 1TL	4,0	1TL	3,0	1TL	2,0	1TL	1,0		12TN+4TL	10	
Tỉ lệ			40%		30%		20%		10%		100%			
TỔNG ĐIỂM			4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm			

Lưu ý: điểm trắc nghiệm là 3 điểm

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN GDCD – KHỐI 7
Thời gian làm bài: 45 phút

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giáo dục đạo đức	Bài 4: Giữ chữ tín	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm chữ tín - Các biểu hiện của giữ chữ tín và <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được vì sao phải giữ chữ tín? - Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phê phán những người không biết giữ chữ tín. 	4TN 1TL			
2	Giáo dục đạo đức	Bài 5: Bảo tồn di sản văn hóa	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hóa. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hóa. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hóa. 	4TN		1/2TL	1/2TL
3	Giáo dục đạo đức	Bài 6: Nhận diện tình huống gây	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng. 	4TN	1TL	1/2TL	1/2TL

	căng thẳng	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân, ảnh hưởng của các tình huống thường gây căng thẳng. Thông hiểu: - Nhận diện được các biểu hiện của cơ thể trước các tình huống thường gây căng thẳng. - Hiểu được các nguyên nhân gây nên các tình huống thường gây căng thẳng. Vận dụng: - Xác định được một cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. Vận dụng cao: - Thực hành được một số cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. việc học tập tự giác, tích cực. 				
	Tổng		12 TN 1TL	1 TL	1 TL	1 TL
	Tỉ lệ %	100%	30%	30%	20%	10%
	Tỉ lệ chung	100%	30%		40%	

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- NĂM HỌC: 2025 -2026

MÔN: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG - KHỐI 7

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 3,4 GDDP 7. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.

- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỷ lệ %	tổng số câu TN và TL	
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		Vận dụng		Vận dụng cao		Câu hỏi TN	Câu hỏi TL				
			Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian						
	Chủ đề 3. <i>Bảo tồn di sản văn hóa</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tên một số di sản văn hoá tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh. - Trình bày được ý nghĩa của mỗi di sản văn hoá của Thành phố Hồ Chí Minh. - Phân tích được thực trạng bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản văn hoá. - Thực hiện được một số việc làm phù hợp nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá của Thành phố Hồ Chí Minh 	6		2					1		8	1	20,25	50%	8

2	Chủ đề 4: <i>Sắc màu ngôn ngữ ở thành phố Hồ Chí Minh</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đặc điểm ngôn ngữ, giọng nói và cách giao tiếp đặc trưng của người dân TP. Hồ Chí Minh. - Trình bày được sự giao thoa ngôn ngữ giữa các vùng miền trong quá trình hình thành và phát triển thành phố. - Hiểu được giá trị văn hóa của ngôn ngữ và giao tiếp trong đời sống hàng ngày của người dân TP. Hồ Chí Minh. - Phân tích được một số từ ngữ, cách nói mang sắc thái riêng của người dân TP. Hồ Chí Minh. 	4	2	1					6	1	20,25	50%	8
Tổng			10	4	1		1			14	2	45	100%	16

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- GDĐP 7 - NĂM HỌC: 2025-2026

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 3.4 GDĐP 7. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.

- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
				Câu hỏi TN	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TL
1	Chủ đề 3: Bảo tồn di sản văn hóa	<ul style="list-style-type: none">Nêu được tên một số di sản văn hoá tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh.Trình bày được ý nghĩa của mỗi di sản văn hoá của Thành phố Hồ Chí Minh.Phân tích được thực trạng bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản văn hoá.	<p>*Biết: tên một số di sản văn hoá tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>*Hiểu: ý nghĩa của mỗi di sản văn hoá của Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>*Vận Dụng: Biết trân trọng giá trị văn hóa, có hành động cụ thể góp phần giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa của địa phương.</p>	6	2		1

2	Chủ đề 4: Sắc màu ngôn ngữ ở thành phố Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đặc điểm ngôn ngữ, giọng nói và cách giao tiếp đặc trưng của người dân TP. Hồ Chí Minh. - Trình bày được sự giao thoa ngôn ngữ giữa các vùng miền trong quá trình hình thành và phát triển thành phố. - Hiểu được giá trị văn hóa của ngôn ngữ và giao tiếp trong đời sống hàng ngày của người dân TP. Hồ Chí Minh. - Phân tích được một số từ ngữ, cách nói mang sắc thái riêng của người dân TP. Hồ Chí Minh. 	<p>*Biết: đặc điểm ngôn ngữ, giọng nói và cách giao tiếp đặc trưng của người dân TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>*Hiểu: giá trị văn hóa của ngôn ngữ và giao tiếp trong đời sống hàng ngày của người dân TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>*Vận Dụng: Biết trân trọng giá trị văn hóa, có hành động cụ thể góp phần giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa của địa phương.</p>	4	2	1	
Tổng số câu: 16				10	4	1	1

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:* Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 2: Nhảy xa kiểu ngòì.
- Năng lực:* Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:* Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III.MA TRẬN

S T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Chủ đề: Nhảy xa kiểu ngòì	Kĩ thuật giậm nhảy và bước bộ	1	1	1	1					2		2	50
		Kĩ thuật chạy đà kết hợp giậm nhảy.	1	1	1	1					2		2	

		Kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).	1	1	1	1					2		2	
		Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi	1	1	1	1	1	2	1	2	4		6	
		Thực hành: Nhảy cao kiểu bước qua.							1	20				50
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 7 (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi	Kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và phân tích được kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ. - Thông hiểu: Thực hiện động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)		

		<p>Kỹ thuật chạy đà kết hợp giậm nhảy.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và phân tích được kỹ thuật chạy đà kết hợp giậm nhảy - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1(0,5 đ)					
		<p>Kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và phân tích được các giai đoạn của kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm) - Thông hiểu: Nắm và thực hiện được kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm). - Vận dụng: Nắm được các bài tập nâng cao các tố chất thể lực. 	1 (0,5 đ)					
		<p>Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật nhảy xa kiểu ngòi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và nhận biết các giai đoạn của kỹ thuật nhảy xa kiểu ngòi - Thông hiểu: Nắm và phối hợp được các giai đoạn của kỹ thuật nhảy xa kiểu ngòi. - Vận dụng: Thực hiện được kỹ thuật nhảy xa kiểu ngòi 	1 (0,5 đ)				1(0,5 đ)	1(0,5 đ)
		<p>Thực hành: Nhảy cao kiểu bước qua.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Thực hiện được nhảy cao kiểu bước qua. - Vận dụng: Nắm được các bài tập nâng cao các tố chất thể lực, tự tổ chức thi đấu với bạn. 						1(5 đ)

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I VÀ TIÊU CHÍ
HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI LỚP 7**

Môn: Mỹ thuật 7 (CTST 1) - Năm học: 2025 - 2026

I. Bản đặc tả đơn vị kiến thức mức độ đánh giá nội dung kiểm tra học kỳ 1

Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mĩ thuật tạo hình (Hội họa)	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình.</i> <i>Yếu tố tạo hình.</i> - Châm, nét, hình, khối, màu sắc, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> - Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại:</i> hội họa <i>Hoạt động thực hành và thảo luận:</i> - <i>Thực hành:</i> sáng tạo sản phẩm 2D. - <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> - Văn hoá xã hội.	Nhận biết: - Xác định được nội dung chủ đề Thông hiểu: - Biết cách sử dụng một số chất liệu trong thực hành sáng tạo. Vận dụng: - Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo. - Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm học tập. Vận dụng cao: - Biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi về sản phẩm. - Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế cuộc sống.

II. Hướng dẫn đánh giá nội dung KT theo tiêu chí mức độ đánh giá, xếp loại:

Phiếu ĐG nội dung KT và hướng dẫn xếp loại theo mức độ ĐG
<ol style="list-style-type: none">1. Thể hiện được cách vẽ phối cảnh xa gần của ngôi nhà và cảnh vật trong tranh.2. Vẽ được bức tranh ngôi nhà có hình khối và không gian.3. Phân tích được màu sắc, đậm nhạt của ngôi nhà và cảnh vật trong bài vẽ.4. Giới thiệu, nhận xét được tranh vẽ của riêng mình và liên hệ mục đích sử dụng tác phẩm nghệ thuật vào thực tiễn đời sống.5. Chia sẻ được cảm nhận về vai trò của môi trường với cuộc sống của con người.
Xếp loại: - Chưa đạt: HS chỉ đạt được tiêu chí 1, tiêu chí 2 hoặc cả 2 tiêu chí 1 và 2 trong 5 tiêu chí. - Đạt: HS đạt được ít nhất 3 tiêu chí (1, 2, 3); 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4) hoặc cả 5 tiêu chí.

BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I VÀ TIÊU CHÍ, HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

Bộ môn: Nghệ thuật 7 (Âm nhạc)

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
1	Hát	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề 1: <i>Vui đến trường</i> – Lê Quốc Thắng - Chủ đề 2: <i>Niềm vui gia đình</i> – Hoàng Vân - Chủ đề 3: <i>Lời Cô</i> - <i>Nhạc Đặng Hưng, Lời Phạm Hiến</i> 	Nhận biết: Nêu được tên bài hát, tên các tác giả và nội dung của bài hát.	x	x
			Thông hiểu: - Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của các bài hát. - Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.	x	
			Vận dụng: - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. - Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết hát đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca. - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hòa. - Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa các câu hát. - Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp. - Biết biểu diễn bài hát ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp. - Nêu được đoạn lặp lại đoạn 1 đoạn 2 của bài.	x x x x x x x	x x x

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
				X	X
2	Nghe nhạc	Nghe một số bản nhạc phù hợp với độ tuổi: 1. Tác phẩm có lời: - Chủ đề 2: <i>Ru Con</i> - Chủ đề 3: <i>Bài ca Người giáo viên nhân dân</i>	Nhận biết: Nêu được tên bản nhạc, tên tác giả	X	
			Thông hiểu: Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc	X	
			Vận dụng: - Biết biểu lộ cảm xúc khi nghe nhạc. - Biết tưởng tượng khi nghe nhạc. - Biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu.	X X X	
3	Đọc nhạc	Các Bài đọc nhạc số 1, 2	Nhận biết: Đọc đúng tên nốt trong bài đọc nhạc	X	X
			Thông hiểu: - Hiểu được các kí hiệu trong bài đọc nhạc. - Phân biệt được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc. Cảm nhận được tính chất của bài đọc nhạc	X X X	
			Vận dụng: - Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng. - Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài đọc nhạc. - Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm.	X X X	X X X

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
4	Nhạc cụ	<ul style="list-style-type: none"> - Nhạc cụ thể hiện tiết tấu: Các Bài thực hành 1, 2 - Nhạc cụ thể hiện giai điệu: <ul style="list-style-type: none"> + Sáo recorder: Các bài thực hành số 1, 2 + Kèn phím: Các bài thực hành số 1, 2 	Nhận biết: Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.	x	
			Thông hiểu: Biết nhận xét về cách chơi đàn và cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác.	x	
			Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Biết chơi nhạc cụ đúng kĩ thuật. - Tự làm được các nhạc cụ gõ đơn giản từ chất liệu sẵn có. - Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu. - Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu. - Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát. - Biết biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp. 	x x x x x x x x	x x x x x
5	Lí thuyết âm nhạc	Dấu nhắc lại, khung thay đổi, dấu quay lại.	Nhận biết: - Nhận biết được các kí hiệu âm nhạc	x x	

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
		Kí hiệu để tăng trường độ nốt nhạc Nhịp lấy đà	Thông hiểu: - Nắm được các ý nghĩa tác dụng của các kí hiệu	X	
			Vận dụng: - Áp dụng thực hành vào các mạch nội dung hát và đọc nhạc.	X	
6	Thường thức âm nhạc	Một số thể loại ca khúc. Nghe bài hát Ru con. Nhạc sĩ Hoàng Vân. Nghe bài hát Bài ca Người giáo viên nhân dân.	Nhận biết: Biết đôi nét về thể loại ca khúc, tác giả	X	
			Thông hiểu: - Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp nhạc sĩ, kể tên một số tác phẩm tiêu biểu. - Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp, phong cách sáng tác của nhạc sĩ. - Nêu được các đặc điểm của một số thể loại ca khúc	X X X	
			Vận dụng: - Cảm nhận được tính chất âm nhạc trong các tác phẩm của nhạc sĩ. - Nhận diện được các thể loại âm nhạc	X X	

TIÊU CHÍ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chí đánh giá nội dung Hát

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được tên bài hát, tên tác giả và nội dung của bài hát.		
2	Hát rõ lời và thuộc lời.		
3	Hát đúng cao độ.		
4	Hát đúng trường độ.		
5	Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà.		
6	Biết hát kết hợp gõ đệm (theo nhịp, theo phách) hoặc vận động.		
Đạt từ 3 tiêu chí trở lên: Xếp loại Đạt			

2. Tiêu chí đánh giá nội dung Đọc nhạc

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đọc đúng tên nốt nhạc.		
2	Đọc đúng cao độ.		
3	Đọc đúng trường độ.		
4	Thể hiện được tính chất âm nhạc của bài đọc nhạc.		
5	Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm (theo phách, theo nhịp,...).		
Đạt từ 3 tiêu chí trở lên: Xếp loại Đạt			

3. Tiêu chí đánh giá nội dung Nhạc cụ

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
	I. Nhạc cụ thể hiện tiết tấu		
1	Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.		

2	Thể hiện được bài thực hành bằng nhạc cụ tiết tấu.		
3	Biết kết hợp các động tác vận động cơ thể.		
4	Biết sử dụng nhạc cụ để đệm cho bài hát hoặc hoà tấu.		
Đạt từ 2 tiêu chí trở lên: Xếp loại Đạt			
	II. Nhạc cụ thể hiện giai điệu		
1	Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.		
2	Thể hiện đúng cao độ bài thực hành nhạc cụ.		
3	Thể hiện đúng trường độ bài thực hành nhạc cụ.		
4	Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà		
Đạt từ 2 tiêu chí trở lên: Xếp loại Đạt			